

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 02/6/2020

V/v : Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Thị Ngọc Bích

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Minh

2. Bà Nguyễn Thị Quy

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung, Kiểm sát viên – Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Ngày 02/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 28/2020/TLST-HNGĐ ngày 10/02/2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06A/2020/QĐXX-ST ngày 20/4/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 11A/2020/QĐHPT-TA ngày 13/5/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1995

HKTT: Thôn P, xã T, huyện K, Hải Dương. Hiện trú tại: Đội 3, xã T, huyện K, Hải Dương.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Đình N**, sinh năm 1991

HKTT và Trú tại: Thôn P, xã T, huyện K, Hải Dương.

(Chị T, anh N đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa, chị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn đăng ký tại UBND xã T (nay là xã T), huyện K, tỉnh Hải Dương ngày 12/9/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường

xuân cãi nhau. Anh N không chịu làm kinh tế, không quan tâm đến gia đình. Nghĩ đến các con chị đã cố gắng chịu đựng tuy nhiên anh N ngày càng quá đáng, còn đánh và đuổi chị đi. Khoảng tháng 2/2017 do mâu thuẫn về kinh tế nên vợ chồng xảy ra đánh cãi nhau, chị đã về nhà bố mẹ để sống. Mặc dù anh N có đến tìm chị nhưng không phải mong muốn vợ chồng đoàn tụ mà có những lời nói xúc phạm đến chị và bố mẹ chị khiến cho mâu thuẫn vợ chồng vốn đã căng thẳng càng trở lên trầm trọng, không thể khắc phục được. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Theo biên bản lấy lời khai của bố anh N là ông Nguyễn Đình Q cũng xác định chị T và anh N kết hôn năm 2014 và được đăng ký tại trụ sở UBND xã T (nay là xã T). Trong cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau và chị T đã bỏ về nhà bố mẹ để đến nay được 2 năm và cũng không quan tâm đến anh N.

- *Về quan hệ con chung*: Chị T xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Diễm C, sinh ngày 18/3/2016, hiện đang ở cùng chị. Nay quan điểm của chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh N vắng mặt trong các buổi làm việc nên không có quan điểm về con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T xác định không có nên đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Anh N vắng mặt trong các buổi làm việc tại tòa án nên không có quan điểm.

Tại phiên tòa: Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng chị vẫn giữ nguyên quan điểm: Xin ly hôn, xin được nuôi cháu Diễm C, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng hợp các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho chị T được ly hôn anh N. Về con chung: Áp dụng Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Giao cháu **Nguyễn Thị Diễm C, sinh ngày 18/3/2016** cho chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị

T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đình N kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tuấn Hưng (nay là xã Tuấn Việt), huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị T thì thấy rằng: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh N là do hai bên không hợp nhau về tính tình, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, xảy ra cãi nhau. Anh N vắng mặt trong các buổi làm việc không có quan điểm cụ thể về việc chị T xin ly hôn anh, tuy nhiên việc anh N vắng mặt là do anh cố tình. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng thông qua trưởng thôn, anh biết việc chị T ly hôn nhưng anh vẫn cố tình không đến Tòa án làm việc. Tại biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Đình Quy (bố anh N), ông Nguyễn Hữu Oanh (bố chị T) và biên bản xác minh tại địa phương đã thể hiện mâu thuẫn giữa chị T và anh N đã tồn tại trong thời gian dài, vợ chồng sống xa cách nhau nên tình cảm dần phai nhạt. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đình N.

[2] Về quan hệ con chung: Chị T xin nuôi con và có thu nhập, nơi ở ổn định, anh N cố tình không đến Tòa án và cũng không có quan điểm về việc nuôi con. Mặt khác, con chung vẫn do chị T trực tiếp nuôi và chăm sóc từ năm 2018 đến nay và đã đảm bảo được cuộc sống cho cháu. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn Thị Diễm C, sinh ngày 18/3/2016 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu Diễm Chi đủ 18 tuổi. Sau này anh N có yêu cầu nuôi con sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, không đặt ra việc giải quyết. Anh N vắng mặt, sau này nếu có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị T có đơn yêu cầu ly hôn nên phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 39 Bộ luật dân sự. Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đình N.

3. Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Diễm C, sinh ngày 18/3/2016 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu Diễm Chi đủ 18 tuổi.

Chị T tự nguyện không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2018/0001315 ngày 10 tháng 02 năm 2020.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị T, anh N. Báo cho chị T, anh N biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã T, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Bích

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Minh

Nguyễn Thị Quy

Nguyễn Thị Ngọc Bích

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Minh Đào Xuân Tím

Nguyễn Thị Ngọc Bích

